



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG DÂN CƯ TỈNH BẮC GIANG

*Ngô Thị Quyên**

Trường THPT Vĩnh Lộc – Bình Tân – Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 21-9-2018; ngày nhận bài sửa: 02-11-2018; ngày duyệt đăng: 21-11-2018

TÓM TẮT

Trong những năm qua, chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bắc Giang đã được cải thiện đáng kể, đó là kết quả từ sự nỗ lực của nhân dân và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, ở nhiều địa phương và một bộ phận dân cư của tỉnh, chất lượng cuộc sống nhân dân còn thấp, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số. Vấn đề này, đòi hỏi phải có những giải pháp để khắc phục. Bài viết tập trung trình bày một số vấn đề nổi bật về chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bắc Giang, và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao đời sống cho nhân dân địa phương trong thời gian tới.

Từ khóa: chất lượng cuộc sống, sự phân hóa, thu nhập bình quân, dân tộc thiểu số.

ABSTRACT

Some issues regarding the quality of life in Bac Giang province

Over the years, the quality of life in Bac Giang has improved significantly, resulting from the efforts of the people and local authorities. However, in many localities and parts of the population here, the quality of the residents' life is still low, especially in mountainous, remote areas and inhabited areas of ethnic minorities. Thus, many solutions need to be put forward to overcome these problems. The article not only focuses on some outstanding issues on the quality of life in Bac Giang, but also recommends some measures to improve the living standards of local people in the upcoming time.

Keywords: the quality of life, differentiation, average income, ethnic minorities.

1. Đặt vấn đề

Con người là chủ nhân của thế giới, là động lực của sự phát triển và cũng là mục tiêu mà mọi hoạt động kinh tế – xã hội (KT-XH) hướng tới. Báo cáo phát triển con người của Liên Hiệp Quốc khẳng định: “Con người là của cải thực sự của quốc gia. Con người là trung tâm của sự phát triển”. Vì vậy việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển KT-XH của mọi quốc gia.

Bắc Giang là một tỉnh trung du ở miền núi phía Bắc. Những năm qua, tình hình phát triển KT-XH của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực nên đời sống nhân dân địa phương đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, so sánh với các địa phương khác và cả nước thì Bắc

* Email: tangiang2010@gmail.com

Giang vẫn là một tỉnh nghèo, chất lượng cuộc sống của người dân còn thấp, đặc biệt là có sự phân hóa rất lớn về mặt không gian giữa các dân tộc trong tỉnh. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng để từ đó có những định hướng, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bắc Giang là vấn đề cấp bách hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để tổng hợp lí luận nhằm đánh giá tổng hợp tác động của các nhân tố đến chất lượng cuộc sống và làm nổi bật những tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống của dân cư.

- Phương pháp toán học, xử lí các số liệu thống kê và tổng hợp ý kiến chuyên gia về tình hình mức sống dân cư địa phương.

Các phương pháp trên là cơ sở quan trọng để tác giả nghiên cứu lí luận và một số vấn đề nổi bật về thực trạng chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bắc Giang, từ đó có những định hướng và đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình địa phương trong thời gian tới.

3. Cơ sở lí luận

Chất lượng cuộc sống là khái niệm vừa mang tính định tính vừa mang tính định lượng. Người ta đánh giá chất lượng cuộc sống dựa trên những tiêu chí cơ bản về đời sống vật chất, tinh thần, trí lực và thể lực của con người trong mối quan hệ tổng hoà với các điều kiện phát triển dân số, KT-XH, tài nguyên và môi trường.

R.C. Sharma – Nhà dân số học người Ấn Độ quan niệm: “Chất lượng cuộc sống là sự cảm giác được hài lòng với những nhân tố của cuộc sống mà những nhân tố đó được coi là quan trọng nhất đối với bản thân một con người. Thêm vào đó, chất lượng cuộc sống là sự cảm giác được hài lòng với những gì mà con người có được. Nó như cảm giác của sự đầy đủ hay là sự trọn vẹn của cuộc sống” (dẫn theo Nguyễn Đức Tôn, 2015, tr. 14). Theo quan niệm này thì nâng cao chất lượng cuộc sống chính là phát triển các yếu tố cấu thành chất lượng cuộc sống, là việc đảm bảo sự đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người trong xã hội theo hướng tích cực, là sự nâng cao thu nhập cho dân cư song song với giảm đói nghèo, là việc cải thiện các chỉ số về y tế, giáo dục, là sự phát huy hiệu quả những giá trị sống tốt đẹp gắn với đảm bảo công bằng xã hội và môi trường sống an toàn.

Việc nghiên cứu chất lượng cuộc sống luôn được quan tâm hàng đầu không chỉ trên thế giới mà ở cả Việt Nam. Theo Nguyễn Đức Tôn (2015) thì “R.C. Sharma đã nghiên cứu chất lượng cuộc sống trong mối quan hệ tương tác với quá trình phát triển dân cư, phát triển KT-XH của mỗi quốc gia, chất lượng cuộc sống là sự đáp ứng đầy đủ các yếu tố vật chất và tinh thần cho con người” (tr. 14). Năm 1990, UNDP (Chương trình Phát triển của Liên Hiệp Quốc) đã đưa ra hệ thống chỉ tiêu đánh giá về phát triển con người – HDI (*Human Development Index*), coi phát triển con người là sự mở rộng phạm vi lựa chọn để đạt đến cuộc sống trường thọ, khỏe mạnh, có ý nghĩa và xứng đáng với con người, bao hàm việc mở rộng các cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn của con người nhằm hưởng thụ một cuộc sống hạnh phúc và bền vững.

Một số nghiên cứu có liên quan đến chất lượng cuộc sống dân cư ở Việt Nam như: Giáo trình *Dân số và phát triển kinh tế – xã hội* của Nguyễn Minh Tuệ (1996); Công trình nghiên cứu *Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 2016* của Tổng cục Thống kê Việt Nam; Luận văn *Chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Thuận – Hiện trạng và giải pháp* của tác giả Bùi Vũ Thanh Nhật (2008); Luận văn *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Sơn La* của tác giả Trần Thị Thanh Hà (2014); Luận văn *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Định* của tác giả Nguyễn Đức Tôn (2015)... Các công trình trên đều làm rõ cơ sở lí luận và thực tiễn của chất lượng cuộc sống, xác định các tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng và phân tích thực trạng để từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.

Thông qua lí luận và lược sử vấn đề, ta có thể thấy được sự quan tâm rất lớn của các nhà nghiên cứu đến chất lượng cuộc sống dân cư, đây là cơ sở quan trọng để tác giả kế thừa và phát triển trong nội dung nghiên cứu của mình.

4. Kết quả nghiên cứu

Bắc Giang là tỉnh nằm ở vị trí đặc biệt quan trọng. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cũng như điều kiện KT-XH chứa đựng nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế, đặc biệt là lợi thế về vị trí và nguồn lao động, là tiền đề quan trọng cho việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân cư trên địa bàn tỉnh.

Sau hơn 30 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ và chính quyền địa phương kể từ sau khi tái lập tỉnh đến nay, nền kinh tế tỉnh Bắc Giang đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều thành tựu quan trọng và đời sống nhân dân đã được nâng cao rõ rệt.

4.1. Về kinh tế

- Thu nhập bình quân đầu người đã được cải thiện nhưng còn thấp so với mức bình quân của một số tỉnh trong vùng và cả nước (xem Bảng 1)

Bảng 1. GRDP/người của tỉnh Bắc Giang so với cả nước, 2005-2016

Năm	2005	2008	2010	2012	2014	2016
Cả nước (triệu đồng)	10,2	23,9	24,8	25,1	43,4	48,6
Bắc Giang (triệu đồng)	4,9	12,4	14,01	19,1	26,6	38,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Giang, 2005-2016)

Theo Bảng 1, giai đoạn 2005-2016, quy mô GRDP của tỉnh Bắc Giang tăng liên tục, nhờ đó GRDP bình quân đầu người (GRDP/người) của Bắc Giang có sự thay đổi rõ rệt. Năm 2005, GRDP/người của tỉnh Bắc Giang là 4,9 triệu đồng, bằng 48,03% trung bình cả nước, đến năm 2016 đạt 38,6 triệu đồng, bằng 79,4% bình quân của cả nước. Về mức tăng, cả nước tăng gấp khoảng 4,8 lần sau 11 năm, trong khi đó tỉnh Bắc Giang tăng gấp khoảng 7,9 lần cùng thời gian trên. Nếu so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tỉnh Bắc Giang luôn dẫn đầu, còn so với cả nước thì tỉnh Bắc Giang dù có mức tăng cao hơn khoảng 3,1 lần nhưng GRDP/người vẫn thấp hơn rất nhiều. Những thành tựu đạt được trong việc

tăng GRDP/người khăng định sự nỗ lực rất lớn của tỉnh Bắc Giang trong quá trình phát triển KT-XH, đặc biệt là tăng trưởng kinh tế, cơ sở quan trọng để cải thiện đời sống người dân, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc tìm kiếm và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống dân cư trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Thu nhập bình quân đầu người theo tháng (TNBQĐN/tháng) tăng, năm 2016 đạt 2767 nghìn đồng, đứng thứ 2/14 trong vùng trung du và miền núi phía Bắc (sau Thái Nguyên), cao hơn mức bình quân của vùng nhưng vẫn thấp hơn bình quân của cả nước.

TNBQĐN/tháng của tỉnh Bắc Giang có sự phân hóa. Khu vực thành thị luôn cao hơn khu vực nông thôn và cao hơn mức bình quân của tỉnh. Thành phố Bắc Giang có mức TNBQĐN/tháng cao nhất với 4983 nghìn đồng (2016), các huyện vùng cao như Yên Thế, Lục Nam, Sơn Động ở mức rất thấp, thấp nhất là huyện Sơn Động với 1417 nghìn đồng (2016), chênh lệch 3,5 lần. Giữa các dân tộc trong tỉnh cũng có sự chênh lệch lớn, người dân tộc Kinh luôn là nhóm có thu nhập cao, các dân tộc thiểu số thường có thu nhập thấp, đặc biệt là các dân tộc sinh sống ở huyện miền núi Sơn Động và Lục Ngạn.

- Cùng với thành tựu xóa giảm đói nghèo của cả nước, chất lượng cuộc sống của người dân tỉnh Bắc Giang đã được cải thiện song hiện nay tỉ lệ hộ nghèo vẫn còn khá cao

Tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh Bắc Giang năm 2016 là 11,1%, giảm 8,2% so với năm 2006 (19,3%), thấp hơn 1,2 lần so với vùng trung du và miền núi phía Bắc (13,8%), là tỉ lệ thấp nhất trong 14 tỉnh của vùng. Đây là kết quả của sự nỗ lực phát triển KT-XH với những chủ trương, đường lối và chính sách thiết thực, hiệu quả của Nhà nước, của các ngành và các địa phương.

Tuy nhiên, tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh vẫn cao hơn 1,9 lần so với cả nước (5,3%) và giữa các dân tộc trong tỉnh có sự chênh lệch, nhiều dân tộc có tỉ lệ hộ nghèo rất cao. Trong đó dân tộc Dao cao nhất với 58,3%, thứ hai là dân tộc Cao Lan với 50,4%, tiếp theo là dân tộc Sán Chí 37,7%, Nùng 33,2%, Tày 30,6%, Hoa 20,5%. Tổng số hộ nghèo người dân tộc thiểu số là 17.787 hộ, chiếm 34,34% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh (Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, 2017).

4.2. Về giáo dục

Bắc Giang là một địa phương có truyền thống hiếu học, tuy điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, nhưng đến nay sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Giang luôn phát triển vững chắc, chất lượng và hiệu quả giáo dục được duy trì, ổn định, vị thế của giáo dục Bắc Giang ngày càng được khẳng định với nhiều thành tựu đáng ghi nhận.

- Tỉ lệ người lớn biết chữ (từ 15 tuổi trở lên) đã tăng lên và duy trì ở mức cao

Từ 2006-2016, tỉ lệ người lớn biết chữ của tỉnh Bắc Giang luôn ở mức cao và ngày càng tăng, đạt 97,9% (2016), cao hơn mức trung bình của cả nước. So với các địa phương trong vùng, tỉnh Bắc Giang đứng vị trí thứ 3 sau tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Phú Thọ.

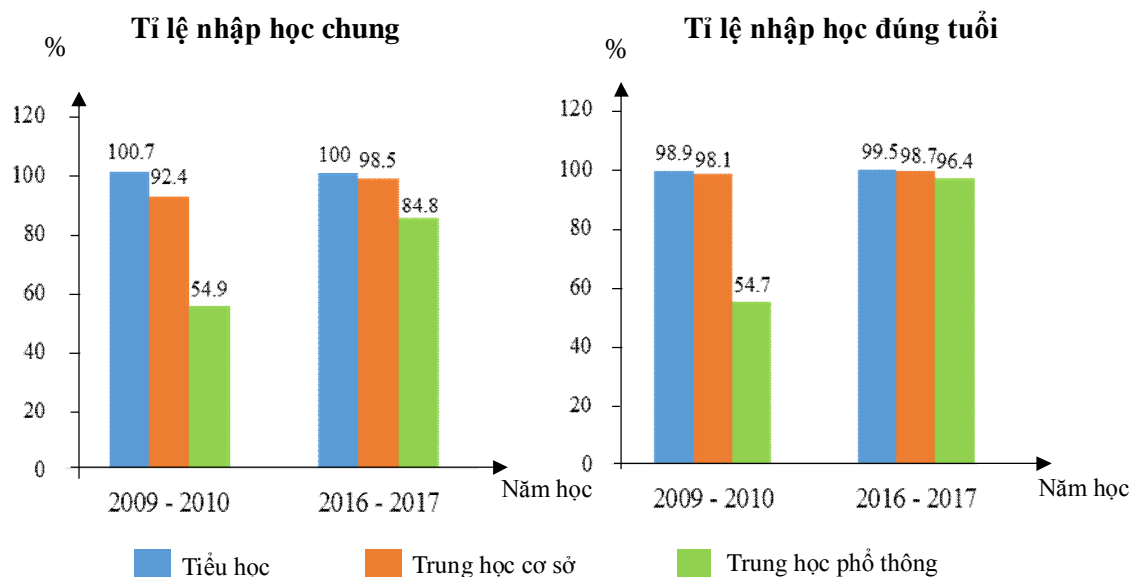
Thành phố Bắc Giang có tỉ lệ người lớn biết chữ cao nhất, đạt 100%, sau đó là những địa phương có nhiều thuận lợi cho phát triển giáo dục như Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng

và Lạng Giang. Các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế là các huyện miền núi của tỉnh, dân cư chủ yếu là người dân tộc thiểu số, điều kiện sống còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp nên có tỉ lệ người lớn biết chữ thấp, thấp nhất là huyện Sơn Động với 89,4%. Tỉ lệ này ở thành thị luôn cao hơn nông thôn, năm 2016 là 100% và 95,4%. Giữa các dân tộc, dân tộc Kinh có tỉ lệ cao nhất, các dân tộc thiểu số thường có tỉ lệ thấp hơn.

- Mạng lưới giáo dục phổ thông của tỉnh Bắc Giang phát triển ngày càng hợp lí, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong tỉnh. Số lượng học sinh và số lượng giáo viên ngày càng tăng. Giáo viên được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cân đối về cơ cấu, đáp ứng tốt nhu cầu và nhiệm vụ được giao.

- Tỉ lệ học sinh đến trường tăng, đặc biệt là tỉ lệ nhập học đúng độ tuổi của học sinh các vùng còn nhiều khó khăn của tỉnh đã tăng lên đáng kể (Biểu đồ 1)

Biểu đồ 1. Tỉ lệ nhập học tổng hợp tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2009-2016



(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Giang, 2005 - 2016)

Biểu đồ 1 cho thấy giai đoạn 2009-2016, tỉ lệ nhập học tổng hợp của tỉnh phân theo từng cấp học đều có xu hướng tăng. Tỉ lệ đi học đúng tuổi những năm gần đây nhìn chung đạt mức cao và tăng mạnh, đặc biệt là học sinh vùng núi, vùng dân tộc thiểu số đến trường đúng độ tuổi tăng lên đáng kể. Điều này phản ánh đúng kết quả của công tác phổ cập giáo dục và các chính sách ưu tiên phát triển KT-XH của Nhà nước cho các vùng dân tộc, vùng sâu vùng xa trong những năm qua, đồng thời cũng thể hiện nhận thức của người dân về giáo dục đã được nâng cao.

- *Chi tiêu cho giáo dục tăng lên đáng kể, song vẫn còn có sự phân hóa lớn giữa các địa phương trong tỉnh*

Năm 2016 chi ngân sách cho giáo dục của tỉnh đạt hơn 3130,1 tỉ đồng, tăng gấp 6,7 lần so với năm 2005 (463,9 tỉ đồng), chiếm 18,6% tổng chi ngân sách và 41,6% các khoản chi thường xuyên trong chi ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên, do sự khác nhau về trình độ phát triển KT-XH mà mức chi khác nhau giữa các địa phương, những nơi có kinh tế phát triển, trình độ nhận thức của người dân cao sẽ có mức chi cho giáo dục cao, cao nhất là Thành phố Bắc Giang với 7391 nghìn đồng/học sinh/năm. Các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế là những địa phương còn nghèo nên việc đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, trong đó thấp nhất là huyện Sơn Động với 3783 nghìn đồng/học sinh/năm. Giữa các dân tộc trong tỉnh, dân tộc Kinh cũng là dân tộc có mức đầu tư cho giáo dục cao nhất, các dân tộc còn lại rất thấp.

4.3. Về y tế và chăm sóc sức khỏe

Những năm qua, tuổi thọ trung bình của người dân tỉnh Bắc Giang được cải thiện rõ rệt, năm 2016 là 73,3 tuổi. Nếu so với tuổi thọ trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc thì cao hơn 2,4 tuổi nhưng so cả nước thì tỉnh Bắc Giang có đôi chút thấp hơn. Điều này cho thấy vấn đề y tế và chăm sóc sức khỏe của tỉnh so với vùng có nhiều điểm tích cực, nhưng so với cả nước thì còn nhiều hạn chế.

Mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe thay đổi theo hướng hoàn thiện hơn, nâng cao khả năng phục vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Năm 2016, toàn tỉnh có 251 cơ sở y tế, trong đó có 18 bệnh viện, 3 phòng khám đa khoa khu vực và 230 trạm y tế xã, phường. Tổng số giường bệnh tăng nhanh nhưng chưa liên tục, từ 2005 đến 2016 tăng 1735 giường bệnh ứng với 16,2 giường bệnh/1 vạn dân, vượt chỉ tiêu đặt ra của ngành y tế tỉnh. Những cơ sở y tế nhỏ lẻ, lạc hậu, cũ kĩ được thay bằng hệ thống cơ sở kiên cố, khang trang, sạch sẽ, giúp người dân an tâm khám và điều trị bệnh.

Đội ngũ cán bộ y tế cũng ngày càng tăng lên về số lượng và nâng cao về trình độ. Năm 2016, số cán bộ y tế là 4732 người, trong đó có 4281 cán bộ ngành y và 451 cán bộ ngành dược. Toàn tỉnh có 100% các xã, phường có trạm y tế, 90,9% các xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% các thôn, làng có cán bộ y tế hoạt động.

Chi tiêu ngân sách của tỉnh Bắc Giang cho sự nghiệp y tế không ngừng tăng cả về giá trị tuyệt đối cũng như tỉ trọng so với tổng chi ngân sách địa phương. Năm 2016, đạt 834,8 tỉ đồng, chiếm 4,96% cơ cấu chi ngân sách và 1,4% cơ cấu GRDP của tỉnh. Mức chi tiêu trung bình cho y tế và chăm sóc sức khỏe/1 người dân/năm của tỉnh Bắc Giang cũng có xu hướng tăng dần qua các năm, từ 581,2 nghìn đồng (2006) lên 2972,4 nghìn đồng (2016).

4.4. Một số lĩnh vực khác

Những năm qua, các chỉ tiêu về nhà ở, sử dụng điện, nước sạch và vệ sinh môi trường của tỉnh Bắc Giang đều có nhiều tiến bộ rõ rệt, tuy nhiên tỉ lệ hộ nghèo chưa đạt được mức chuẩn tối thiểu còn cao, đặc biệt là tại các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa và

vùng dân tộc thiểu số của tỉnh. Năm 2016, số hộ nghèo của tỉnh trong tình trạng có nhà ở thiếu kiên cố là 15.034 hộ, chiếm 29,03% số hộ nghèo toàn tỉnh. Số hộ nghèo chưa được tiếp cận với nguồn nước sạch là 8443 hộ (16,3%), không có hố xí hợp vệ sinh là 19.283 hộ (37,23%). Tỷ lệ này đặc biệt cao đối với đối tượng là hộ nghèo của dân cư vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của các huyện miền núi Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế, Lạng Giang.

Ngoài ra, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, nhờ đó mức hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân đang ngày càng được cải thiện. Viễn thông, mạng lưới truyền thông với chất lượng dịch vụ ngày càng cao, hệ thống các nhà văn hóa, các sân chơi và các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, lễ hội, phong tục tập quán... được duy trì và phát triển. Tuy nhiên, do những ảnh hưởng nhất định của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập mà việc gìn giữ nét riêng trong bản sắc văn hóa bị ảnh hưởng, sinh hoạt văn hóa truyền thống ở vài nơi trở nên xa lạ với thế hệ trẻ, nguy cơ mai một bản sắc văn hóa đã và đang dần xuất hiện. Đây là thách thức lớn đối với chính quyền địa phương trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa và làm phong phú thêm đời sống tinh thần cho dân cư.

5. Một số giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bắc Giang

Để tiếp tục giữ vững những thành quả đạt được và giải quyết tốt những thách thức đặt ra trong quá trình cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, trong thời gian tới tỉnh Bắc Giang cần thực hiện một số giải pháp như sau:

5.1. *Đẩy mạnh tăng trưởng và phát triển kinh tế, cơ sở vững chắc cho nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư*

- Phải tiếp tục thực hiện tốt mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống nhằm góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.
- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, trực tiếp thu hút vốn từ nhân dân đầu tư cho địa phương họ sinh sống. Ưu tiên các dự án đầu tư vào khu vực nông thôn, tạo điều kiện cho người dân miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia sản xuất, tăng thu nhập.
- Tập trung các nguồn lực đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo, chống tái nghèo; nâng cao dân trí, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu ở các vùng dân tộc thiểu số.
- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo, chính sách với người dân tộc thiểu số, các địa phương miền núi. Huy động mọi nguồn lực, hỗ trợ hộ nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát.

5.2. *Phát triển giáo dục và nâng cao dân trí là giải pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư*

Giáo dục là vũ khí quyền năng nhất có thể được sử dụng để thay đổi thế giới, yếu tố mang tính quyết định đối với việc nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư. Do vậy cần phải:

- Thường xuyên tiến hành rà soát, đánh giá thực tế quy mô trường lớp hiện có, tìm ra những bất cập để có giải pháp hợp lý, kịp thời, hiệu quả. Tiếp tục đầu tư kinh phí, triển khai và hoàn thành kế hoạch kiên cố hóa trường học. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho giáo dục, kiên quyết chống lãng phí, tiêu cực.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất trường lớp cho các trường, điểm trường tại các xã đặc biệt khó khăn. Nâng cấp các trường dân tộc nội trú để đáp ứng nhu cầu học tập của con em người dân tộc thiểu số.

- Quan tâm, ưu tiên thu hút giáo viên giỏi về công tác tại các địa phương còn nhiều khó khăn. Có chế độ đãi ngộ, chính sách thích hợp để khuyến khích giáo viên về công tác và gắn bó lâu dài ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và vùng dân tộc thiểu số.

- Xác định các nguyên nhân dẫn đến việc học sinh bỏ học và lưu ban, đặc biệt là tại địa bàn huyện Sơn Động và Lục Ngạn, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống với tỉ lệ học sinh nghỉ học và lưu ban nhiều, từ đó có biện pháp ngăn ngừa và hỗ trợ kịp thời.

- Quan tâm dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số. Chú trọng giáo dục truyền thống văn hóa, duy trì và phát triển giá trị truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

- Thực hiện thống nhất chính sách miễn, giảm học phí cho những đối tượng học sinh đặc biệt (trẻ em hộ nghèo, gia đình chính sách, gia đình đông con, học sinh người dân tộc thiểu số...). Cung cấp miễn phí dụng cụ học tập, sách giáo khoa và vận động nguồn tài trợ học bổng cho học sinh nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn mà trọng tâm là địa bàn huyện miền núi Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế.

5.3. Chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng

Để đảm bảo chăm lo và bảo vệ tốt cho sức khỏe của nhân dân, tỉnh Bắc Giang cần phải:

- Hoàn thành các dự án nâng cấp, mở rộng bệnh viện, trung tâm y tế. Triển khai xây dựng các dự án mới các bệnh viện và các công trình xã hội hóa khác.

- Cần thúc đẩy phát triển hệ thống cơ sở y tế tư nhân, tăng cường phối hợp công – tư nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân toàn tỉnh.

- Quan tâm duy tu, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các trang thiết bị y tế hiện có. Tranh thủ các nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nguồn lực xã hội hóa để từng bước hiện đại hóa trang thiết bị y tế, kỹ thuật y học chuyên sâu trong lĩnh vực phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế.

- Cần quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc để giữ chân người giỏi, để họ tích cực cống hiến hiệu quả cho sự nghiệp y tế của tỉnh. Ban hành các chính sách nhằm thu hút nhân lực trong lĩnh vực y tế dự phòng, cán bộ y tế cơ sở, vùng miền núi, vùng khó khăn, các xã nghèo của tỉnh. Có chính sách cụ thể và thu hút được các sinh viên giỏi, cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chuyên gia hàng đầu về công tác.

- Cần bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách địa phương. Phải đảm bảo đủ chi phí y tế cho người nghèo, người có công với cách mạng, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển y tế thông qua các hoạt động xã hội từ thiện, tuyên truyền khám chữa bệnh. Duy trì phong trào “Mỗi cán bộ y tế tình nguyện mua thẻ BHYT tặng người thân, người có hoàn cảnh khó khăn”. Hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người nghèo từ nguồn ngân sách tỉnh và các dự án đầu tư nước ngoài.

5.4. Các giải pháp khác

- Đảm bảo triển khai hiệu quả các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển KT-XH tại các địa phương khó khăn. Duy trì triển khai sâu rộng các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi.

- Hỗ trợ, đầu tư nâng cấp và cải tạo các trạm thu, phát sóng phát thanh truyền hình, phát triển mạng viễn thông ở vùng sâu, vùng xa nhằm tạo điều kiện cho người dân các địa phương này được tiếp cận với các dịch vụ thông tin, các chế độ chính sách, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của bản thân, đồng thời chủ động tiếp cận với các chính sách trợ giúp của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo gia tăng dân số ổn định với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

- Thực hiện hiệu quả chiến lược xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hóa cho cộng đồng dân cư ở nông thôn miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Tiếp tục triển khai các biện pháp trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số.

- Chú trọng các công tác khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, đặc biệt là đối với địa phương còn nhiều người nghèo bởi người nghèo là một trong những nhóm người rất dễ bị tổn thương trong xã hội lại ít có đủ điều kiện khắc phục hậu quả sau thiên tai.

6. Kết luận

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển KT-XH và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Tuy nhiên những thành tựu này vẫn chưa được trọn vẹn bởi chất lượng cuộc sống dân cư vẫn còn sự phân hóa rõ rệt giữa nông thôn – thành thị, miền núi – đồng bằng, giữa các huyện, thành phố và giữa các dân tộc anh em cùng chung sống trên địa bàn tỉnh. Để giữ vững thành tựu đạt được và tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, tỉnh Bắc Giang cần thực hiện đồng bộ các giải pháp hợp lý qua từng giai đoạn, khắc phục những phát sinh có thể xảy ra trong quá trình thực hiện để đạt hiệu quả cao nhất. Mục đích cao nhất là nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân cả chiều rộng lẫn chiều sâu, khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển KT-XH cũng như chất lượng cuộc sống dân cư của tỉnh trong thời gian tới.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang. (2006-2017). *Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang 2005-2016*.
- Hồ Sỹ Quý. (2007). *Con người và phát triển con người*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Đức Tôn. (2015). *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Định*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam. (2018). *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2016*. Hà Nội: NXB Thống kê.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. (2017). *Kết quả rà soát, thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Bắc Giang năm 2016*.
- <http://csdl.bandantoc.bgo.vn>
- <http://bacgiang.gov.vn>
- <http://ktxh.bgo.vn>
- <http://sldtbxh.bacgiang.gov.vn>